TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày: 18 - 9 - 2020
V/v "Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trung Tuân và ông Trương Quang Huy
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020; tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 13/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-DS ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc.
Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP B. Vắng mặt.
Người được ủy quyền: Ông Trần Duy H, chuyên viên khách hàng, Tổ kinh doanh, Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP B.
Địa chỉ: 134 Hùng Vương, Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Xóm 2, thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Quảng Bình – Phòng giao dịch L đã ký với bà Dương Thị H 02 Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Ngày 01/12/2017, Ngân hàng TMCP B– Chi nhánh Quảng Bình – Phòng giao dịch L đã ký với bà Dương Thị H Hợp đồng tín dụng số

4512017273; số tiền cho vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); phương thức cho vay: Cho vay từng lần; mục đích cho vay: Mua sắm nội thất gia đình; thời hạn cho vay: 36 tháng tính từ ngày 02/12/2017 đến 01/12/2020; lãi suất cho vay: 8,0%/năm tính trên dư nợ ban đầu, được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày, nếu bên vay chậm trả gốc hoặc lãi hoặc cả gốc và lãi thì phải trả lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc trả định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2018; kỳ hạn trả lãi: Vào ngày 10 hàng tháng, tính trên dư nợ ban đầu, bắt đầu trả nợ từ tháng 01/2018. Nếu ngày trả nợ lãi là Chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ hoặc bất kỳ ngày nào khác mà Ngân hàng không làm việc thì ngày làm việc kế tiếp sẽ là ngày đến hạn trả nợ lãi và bên vay phải trả lãi tính đến ngày thực tế trả. Ngày 02/02/2018, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Quảng Bình – Phòng giao dịch L đã ký với bà Dương Thị H Hợp đồng tín dụng số 451201856; số tiền cho vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); phương thức cho vay: Cho vay từng lần; mục đích cho vay: Mua sắm nội thất gia đình; thời hạn cho vay: 36 tháng tính từ ngày 03/02/2018 đến 02/02/2021; lãi suất cho vay: 8,0%/năm tính trên dư nợ ban đầu, được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày, nếu bên vay chậm trả gốc hoặc lãi hoặc cả gốc và lãi thì phải trả lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc trả định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2018; kỳ hạn trả lãi: Vào ngày 10 hàng tháng, tính trên dư nợ ban đầu, bắt đầu trả nợ từ tháng 03/2018. Nếu ngày trả nợ lãi là Chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ hoặc bất kỳ ngày nào khác mà Ngân hàng không làm việc thì ngày làm việc kế tiếp sẽ là ngày đến hạn trả nợ lãi và bên vay phải trả lãi tính đến ngày thực tế trả.

Quá trình thực hiện 02 hợp đồng đã nêu ở trên, bà Dương Thị H đã trả nợ gốc và lãi đến ngày 10/12/2019, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi kể từ tháng 01/2020. Ngân hàng đã nhắc nhở, đốc thúc nhưng bà H không hợp tác, trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Vì vậy Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị H trả nợ cho Ngân hàng TMCP B tạm tính đến ngày 06/5/2020 số tiền 19.032.287 đồng, trong đó nợ gốc là 17.520.000 đồng, lãi quá hạn số tiền 1.347.515 đồng, lãi phạt gốc + lãi phạt lãi số tiền 164.772 đồng theo Hợp đồng tín dụng dụng số 4512017273 ngày 01/12/2017 và theo Hợp đồng tín dụng dụng số 451201856 ngày 02/02/2018.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP B nộp bảng kê yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị H trả nợ số tiền 12.080.967 đồng, trong đó nợ gốc là 9.840.000 đồng, nợ lãi quá hạn số tiền 1.832.723 đồng, lãi nợ gốc quá hạn số tiền 328.720 đồng, lãi chậm trả lãi số tiền 79.524 đồng (đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017273); trả nợ số tiền 9.153.227 đồng, trong đó nợ gốc là 7680.000 đồng, nợ lãi quá hạn số tiền 1.205.477 đồng, lãi nợ gốc quá hạn số tiền 1.205.477, lãi chậm trả lãi số tiền 51.605 đồng (đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD451201856). Tổng số tiền Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP B của Hợp đồng tín dụng số HĐTD451201856 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017273 là 21.234.194

đồng, trong đó nợ gốc là 17.520.000 đồng, nợ lãi quá hạn số tiền 3.038.200 đồng, lãi nợ gốc quá hạn số tiền 544.865, lãi chậm trả lãi số tiền 131.129 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2020. Kể từ ngày 18/9/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng bà Dương Thị H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017273 ngày 01/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD451201856 ngày 02/02/2018 đã ký kết.

Đối với bị đơn bà Dương Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L đã thông báo thụ lý vụ án gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến các đương sự nhưng bà Dương Thị H vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Toà án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ nhưng bà H vẫn vắng mặt.

Theo giấy xác nhận của Ban Công an xã P, huyện Lệ T do Ngân hàng TMCP B giao nộp, Ban Công an xã P, huyện L xác nhận: Bà Dương Thị H đăng ký HKTT tại thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Hiện tại bà Dương Thị H đang có mặt, sinh sống tại địa phương (Xóm 2, thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến bị đơn nhưng bà Dương Thị H vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Bà H vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất ngày 31/8/2020 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai, bị đơn vẫn vắng mặt mặc dù Toà án đã tống đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Dương Thị H.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về "Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017273 ngày 01/12/2017; Hợp đồng tín dụng số HĐTD451201856 ngày 02/02/2018 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có

cơ sở xác định bà Dương Thị H đã được Ngân hàng TMCP B cho vay tổng số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 8,0%/năm, tính trên dư nợ ban đầu, được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày, nếu bên vay chậm trả gốc hoặc lãi hoặc cả gốc và lãi thì phải trả lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc trả định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2018 (đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017273) và tháng 3/2018 (đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD451201856); kỳ hạn trả lãi: Vào ngày 10 hàng tháng, tính trên dư nợ ban đầu; mục đích vay dùng để mua sắm nội thất gia đình; hình thức vay tín chấp; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 01/12/2017 và ngày 02/02/2018. Sau khi ký kết hợp đồng, bà Dương Thị H đã nhận đủ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); quá trình thực hiện hợp đồng, bà Dương Thị Hạnh đã thực hiện một phần của hợp đồng tín dụng, trả nợ gốc và lãi đến tháng 12/2019 thì dừng trả nợ gốc và lãi.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B - Phòng giao dịch L đã đôn đốc, nhắc nhở và làm việc trực tiếp với bà H để yêu cầu trả nợ nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Xét các Hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, do đó đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Bà Dương Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho vay tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017273 ngày 01/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD451201856 ngày 02/02/2018 đã ký kết với Ngân hàng TMCP B - Phòng giao dịch L. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Dương Thị H trả nợ cho Ngân hàng TMCP B - Phòng giao dịch L số tiền 12.080.967 đồng, trong đó nợ gốc là 9.840.000 đồng, nợ lãi quá hạn số tiền 1.832.723 đồng, lãi nợ gốc quá hạn số tiền 328.720 đồng, lãi chậm trả lãi số tiền 79.524 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017273 ký kết ngày 01/12/2017) và số tiền 9.153.227 đồng, trong đó nợ gốc là 7680.000 đồng, nợ lãi quá hạn số tiền 1.205.477 đồng, lãi nợ gốc quá hạn số tiền 1.205.477, lãi chậm trả lãi số tiền 51.605 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD451201856 ngày 02/02/2018). Tổng số tiền bà Dương Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP B theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 21.234.194 đồng, trong đó nợ gốc là 17.520.000 đồng, nợ lãi quá hạn số tiền 3.038.200 đồng, lãi nợ gốc quá hạn số tiền 544.865, lãi chậm trả lãi số tiền 131.129 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2020. Kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng bà Dương Thị H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017273 ngày 01/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD451201856 ngày 02/02/2018 đã ký kết là phù hợp các Điều 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số

tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Đều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B, buộc bà Dương Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền tổng cộng là 21.234.194đ (Hai mươi mốt triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn một trăm chín mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 17.520.000đ (Mười bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), nợ lãi quá hạn số tiền 3.038.200đ (Ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn hai trăm đồng), lãi nợ gốc quá hạn số tiền 544.865đ (Năm trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng), lãi chậm trả lãi số tiền 131.129đ (Một trăm ba mươi mốt nghìn một trăm hai mươi chín đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2020.

Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng bà Dương Thị H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017273 ngày 01/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD451201856 ngày 02/02/2018 mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.061.709 đồng để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 475.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006042 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc ngày niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Ngọc Sơn